

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, Công ty có chức năng đảm bảo về việc cung cấp đồ vải phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ –CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư 45/2015/TT – BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế về việc Quy định về trang phục y tế;

Căn cứ thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/04/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Bệnh viện Nội tiết Nghệ An (gọi tắt là Chủ đầu tư) có kế hoạch tổ chức về việc mua sắm đồ vải phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện.

Danh mục hàng hoá, dịch vụ : (phụ lục 1)

Để phục vụ cho việc lập kế hoạch và xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đảm bảo công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu được công khai minh bạch, Bệnh viện kính mời các đơn vị, Công ty có đủ năng lực quan tâm tham gia chào giá. Cụ thể các nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết Nghệ An, số 11 Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Võ Thuỷ Chung. Chức vụ: P.Phòng TC-HC

Email: dauthau.bvntna@gmail.com

Sdt: 0982 532 669

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng TC-HC, Bệnh viện Nội tiết Nghệ An, số 11, Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Nhận qua email: dauthau.bvntna@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 04 tháng 06 năm 2024 đến trước 08h00 ngày 14 tháng 06 năm 2024 (10 ngày).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Báo giá dịch vụ: đơn vị báo giá đơn giá theo danh mục cụ thể theo danh mục và thông số kỹ thuật hàng hoá theo mẫu (phụ lục 2)

Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Báo giá dịch vụ (01 bản gốc): Theo mẫu báo giá áp dụng đối với gói thầu mua sắm đồ vải phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện.
- Hồ sơ năng lực kinh nghiệm (01 bộ): Giấy đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng đã thực hiện, giấy tờ liên quan.
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các đơn vị, tổ chức có đủ năng lực quan tâm tham gia chào giá .

Trân trọng cảm ơn./. *Nguyễn Thanh Bình*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA
(Đính kèm công văn số 42./BVNT-TM ngày 04/06/2024)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Quần áo blouse ngắn tay	Bộ	460	- Màu vải: trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 245 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 484 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 296 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: 60%-75 % Polyeste , 25% -40% Visco , 2%-3% Spandex. - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT,có logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân
2	Quần áo blouse dài tay	Bộ	19	- Màu vải: trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 245 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 484 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 296 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: 60%-75 % Polyeste , 25% -40% Visco , 2%-3% Spandex. - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT,có logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân
3	Mũ vải có viền xanh	Cái	479	- Màu vải: trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 245 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 484 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 296 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: 60%-75 % Polyeste, 25% -40% Visco , 2%-3% Spandex . - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân
4	Khẩu trang	Cái	479	- Tên vải: Vải Ford màu trắng

Handwritten signature

	màu trắng			- Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±2); ngang (Sợi/10cm) 264 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: 60%-70 % Polyeste (±2) , 30%-40% Bông (±2) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
5	Logo thêu (Quần áo và ga trải giường)	Cái	1229	Thêu theo đúng mẫu Logo của bệnh viện cung cấp và đúng quy định của Bộ y tế
6	Ga trải giường bệnh nhân	Cái	750	- Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±2); ngang (Sợi/10cm) 264 (±2) - Thành phần: 60%-70 % Polyeste (±2) , 30%-40% Bông (±2) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
7	Áo choàng mổ	Cái	120	- Tên vải: Vải Kaki 100% Cotton màu xanh - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 275 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 225 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: 70%-90% bông ,10%-30% Polyeste - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài
8	Săng (1,3m x 0,9m)	Cái	50	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. Có viền mép. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.

9	Săng (1,0 m x 0,7m)	Cái	30	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. Có viền mép. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
10	Săng (0,75m x 0,6m)	Cái	50	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. Có viền mép.
11	Săng (1,0m x 0,85m)	Cái	30	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. Có viền mép. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
12	Săng (0,8m x 0,9m)	Cái	50	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (±2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (±2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. Có viền mép. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
13	Săng 2 lớp (1,0m x 1,15m)	Cái	40	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh kết - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±2) (TCVN 8042: 2009)

				- Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (± 2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (± 2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Theo kích thước yêu cầu. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.
14	Săng có lỗ (0,8 m x 0,7m)	Cái	20	- Tên vải: Vải Kaki thun màu xanh két - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (± 2) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 459 (± 2); Ngang (Sợi/10cm) 331 (± 2) (TCVN 1753:1986) - Thành phần: Polyeste : 70-80%, visco: 20%-25%, spandex: 2-2,5%. - Chịu nhiệt, hấp sấy không sun, giãn, không biến dạng. - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có viền các mép. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.



PHỤ LỤC 2. BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm công văn số 421/BVNT-TM ngày 04/06/2024)

Các đơn vị thực hiện theo biểu mẫu báo giá dưới đây:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Nghệ An

Trên cơ sở các thông tin bệnh viện Nội tiết Nghệ An cung cấp tại công văn số /BVNT-TM ngày 04/06/2024, đơn vị chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện bảng báo giá dịch vụ chi tiết như sau:

- Giá dưới đây được báo cho 01 đơn vị tính:

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Đơn giá VNĐ (Chưa bao gồm VAT)	VAT (%)	Đơn giá VNĐ (Đã bao gồm VAT)
1							
2							
3							

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, thuế, phí khác, chi phí vận chuyển và thực hiện dịch vụ sau bán hàng tại Bệnh viện Nội tiết Nghệ An.
Báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày phát hành.

....., ngày tháng năm 2024

Đại diện hợp pháp nhà cung cấp

(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký đóng dấu)

10/6